

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-9-2019.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hiếu

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mộng H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng H trình bày:*

Chị và anh Cao Văn M chung sống trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2009 ngày 23/4/2009).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến bất hòa. Mặt khác anh M còn nghiện ma túy, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Từ tháng 12/2009 chị đưa con về nhà mẹ ruột nên vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh M vì vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã kéo dài.

- Con chung: Chị và anh M có 01 con chung là cháu Cao Ngọc A, sinh ngày 08/11/2009. Từ khi ly thân đến nay cháu A sống cùng chị, anh M không lần nào đến thăm nom chăm sóc con. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Cao Văn M đã được niêm yết hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Mộng H và anh Cao Văn M tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 23/4/2009). Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H khai là do anh M không có trách nhiệm với gia đình, mặt khác anh M còn nghiện ma túy, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2009. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh M không đến tham gia hòa giải lần nào thể hiện anh M không mong muốn đoàn tụ với chị H. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Cao Văn M đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Lê Thị Mộng H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Cao Văn M, hiện nay anh M có thường trú và đang sinh sống tại ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “ Ly hôn”. Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Lê Thị Mộng H, bị đơn là anh Cao Văn M.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Mộng H và anh Cao Văn M tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2009 ngày 23/4/2009) nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Tại phiên tòa, chị H cương quyết xin ly hôn với anh M và khai không còn tình cảm vợ chồng, thời gian ly thân đã lâu.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H khai là do anh M không có trách nhiệm với gia đình, mặt khác anh M còn nghiện ma túy, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2009 đến nay không lần nào hòa giải đoàn tụ. Đối với anh M đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện anh không có mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được ly hôn với anh M là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

- Con chung: Chị H khai có 01 con chung là cháu Cao Ngọc A, sinh ngày 08/11/2009, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị H trực tiếp nuôi con, anh M không lần nào đến thăm nom con chung. Nay chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Do từ khi chị H và anh M sống ly thân cho đến nay cháu Cao Ngọc A sống cùng mẹ, trong thời gian giải quyết vụ án anh M cũng không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác cháu Ánh có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy cần giao cháu Ánh cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

- Tài sản chung: Chị H khai không có nên không giải quyết.

- Nợ chung: Chị H khai không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mộng H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Cao Văn M.

1. Xử: Cho chị Lê Thị Mộng H được ly hôn anh Cao Văn M.

2. Về con chung: Xử giao cháu Cao Ngọc A, sinh ngày 08/11/2009 cho chị H nuôi dưỡng. Tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Mộng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000477 ngày 24/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Mộng H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Cao Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai